

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2024/HNGĐ-ST

Ngày 31/7/2024

Về việc: “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Văn Thảo

2. Ông Võ Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 133/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc: “Xin ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/QĐXX-ST ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1996 (có mặt).

Trú tại: Tổ 4, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Ông Ngô Văn B – sinh năm 1995 (có mặt).

Trú tại: Tổ 4, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:*

Tôi và ông Ngô Văn B tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân vào năm 2019, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông B không lo làm ăn nghiệp game và thường xuyên uống rượu say xỉn về nhà gây gỗ, chửi bới đánh đập tôi. Nay tôi thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên tôi xin ly hôn với ông Ngô Văn B.

Về con chung: Tôi và anh Ngô Văn B có 01 con chung Ngô Trần Minh K, sinh ngày: 15/5/2019. Nguyên vọng xin nuôi con và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi và ông Ngô Văn B tự giải quyết, không yêu cầu Tòa điều chỉnh.

Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung.

** Theo bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn ông Ngô Văn B trình bày:*

Về điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn tôi thống nhất với lời trình bày của bà H. Nay tôi thấy còn thương vợ nên xin được đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Tôi và bà H có 01 con chung Ngô Trần Minh K, sinh ngày: 15/5/2019, Nguyên vọng của tôi mong vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi con. Nếu có căn cứ Toà xử lý hôn thì tôi xin nuôi con và không yêu cầu bà H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tôi và bà Trần Thị H tự giải quyết, không yêu cầu Tòa điều chỉnh.

Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên toà:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Xử:

+ Về quan hệ vợ chồng: Xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị H, xử cho bà Trần Thị H và ông Ngô Văn B ly hôn.

- Về con chung: Xử giao cho bà H nuôi con chung Ngô Trần Minh K, sinh ngày: 15/5/2019 đến 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị H không yêu cầu ông Ngô Văn B cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị H và ông Ngô Văn B không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị H và ông Ngô Văn B khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ lời trình bày của đương sự căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đây là quan hệ ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn ông Ngô Văn B cư trú tại huyện Thăng Bình nên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà Trần Thị H và ông Ngô Văn B tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 2019 tại UBND xã B, huyện T như vậy hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông B không lo làm ăn

nghiện game và thường xuyên uống rượu say xỉn về nhà gây gỗ, chửi bới đánh đập bà H. Bà H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc nên xin được ly hôn với ông Ngô Văn B. Về phía ông Ngô Văn B xin khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ làm ăn. Xét việc xin ly hôn của bà H và yêu cầu xin đoàn tụ của ông B thì thấy: Khi mâu thuẫn xảy ra thì hai bên gia đình khuyên bảo, bà H và ông B nhiều lần ngồi lại bàn bạc, tìm hướng khắc phục nhưng vẫn sống không hạnh phúc. Ông B xin đoàn tụ nhưng không có thiện chí, không níu kéo hạnh phúc, khi tòa đang thụ lý giải quyết thì giữa bà H và ông B vẫn thường xuyên cãi vã, xô xát với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà H và ông B ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà H xin ly hôn là có cơ sở, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam. Không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của ông Ngô Văn B.

Về con chung: Bà Trần Thị H và ông Ngô Văn B có 01 con chung Ngô Trần Minh K, sinh ngày: 15/5/2019, bà H và ông B đều có nguyện vọng xin nuôi con chung. Xét nguyện vọng nuôi con của bà H và ông B thì thấy: Cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ nuôi con chung, không phân biệt trai gái hay bất cứ điều kiện gì khác, việc nuôi con phải phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng nuôi dưỡng của cha, mẹ. Bà H và ông B có công việc làm, chỗ ở ổn định thu nhập hằng tháng ổn định đảm bảo khả năng để nuôi con. Nhưng hiện nay cháu Ngô Trần Minh K hiện mới 05 tuổi còn nhỏ cần sự chăm sóc, dạy dỗ của người mẹ. Do đó, xét giao cho bà H nuôi con Ngô Trần Minh K, sinh ngày: 15/5/2019 đến 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với Điều 81, 82, 83 luật HN&GD Việt Nam.

* Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên Tòa bà Trần Thị H không yêu cầu ông Ngô Văn B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Trần Thị H và ông Ngô Văn B không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Bà Trần Thị H và ông Ngô Văn B khai không có nên không xét.

Án phí LHST: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng y) xét buộc bà Trần Thị H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí LHST 300.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai thu số 0008547 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

[3] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị H, xử cho bà Trần Thị H và ông Ngô Văn B ly hôn.

2. Về con chung: Xử giao cho bà Trần Thị H nuôi con chung Ngô Trần Minh K, sinh ngày: 15/5/2019 đến 18 tuổi trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Án phí LHST: 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng y*) xét buộc bà Trần Thị H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí LHST 300.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai thu số 0008547 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện T
- THADS huyện T
- Những người tham gia tố tụng
- UBND xã B.
- Lưu hồ sơ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa

Nguyễn Công Trường